

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-PT
Ngày 30-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Chu Văn Thanh và ông Đặng Phi Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 20/2022/TLPT-HS ngày 01/7/2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LC, tỉnh Lào Cai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 04/02/1985 tại huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi cư trú: Thôn QC, xã TC, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Văn Hoàn và bà Lê Thị Hương.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 42/HSST ngày 30/9/2003 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/12/2020, tạm giam từ ngày 17/12/2020. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đào Anh T - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Pháp lý H. Địa chỉ: Công ty Luật TNHH MTV Pháp lý H. Địa chỉ: Tầng 02, số 39 Nguyễn An N, quận HM, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Các bị hại:

1. Anh Lê Văn H. Địa chỉ: Tổ 35, phường CL, thành phố LC, tỉnh Lào Cai.
 2. Anh Trịnh Văn N1, đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai.
 3. Anh Hoàng Văn Q. Địa chỉ: Xã MK, huyện TU, tỉnh Lai Châu.
 4. Anh Tạ Quang N. Địa chỉ: Thôn NC, xã BC, huyện BT, tỉnh Lào Cai.
- Các bị hại đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 ngày 17/12/2020 chị Lê Thị Kim H đến Công an thành phố LC tố cáo, Nguyễn Văn T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến 21 giờ 40 phút cùng ngày tại quán Cà phê Phố nhỏ số 013A, tổ 25 phường CL, thành phố LC, Công an thành phố LC bắt quả tang Nguyễn Văn T nhận tiền và viết giấy biên nhận với chị H số tiền 200.000.000 đồng để chạy án cho anh Nguyễn Anh T1.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T đã tự khai nhận vào thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 11/2020. Bằng thủ đoạn gian dối giới thiệu mình là cán bộ cấp cao của bộ Quốc Phòng, có nhiều mối quan hệ quen biết và có khả năng lo chạy án, giảm án, xin Container hàng bị giữ, bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng cuối tháng 10/2020, T nhận của anh Tạ Quang N tổng số tiền là 72.000.000 đồng để xin cho Trần Mạnh P, hiện đang bị Công an thành phố LC khởi tố, điều tra về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” được hưởng án treo. Anh N đã đưa tiền cho T 02 lần: Lần 1: Anh N nhờ chị Phạm Thị D; Trú tại số nhà 149, đường LHP, phường CL, thành phố LC, là vợ của anh Q đưa cho T 22.000.000 đồng tại nhà của chị Phạm Thị H; Lần 2: Anh N đi cùng anh Q đưa cho T 50.000.000 đồng tại quán Cà phê BM, đường TN phường CL, thành phố LC.

Lần thứ hai: Khoảng cuối tháng 10/2020, T nhận của anh Trịnh Văn N1 tổng số tiền là 60.000.000 đồng để xin cho Lý Văn B; Trú tại thôn KT, thị trấn PL, huyện BT, tỉnh Lào Cai, hiện đang bị Công an thành phố LC khởi tố, điều tra về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” được tại ngoại, trắng án. Anh N đã trực tiếp đưa tiền cho T 03 lần: **Lần 1:** Anh N đưa cho T 10.000.000 đồng vào cuối tháng 10/2020; **Lần 2:** Anh N đưa cho T 20.000.000 đồng vào giữa tháng 11/2020; **Lần 3:** Anh N đưa cho T 30.000.000 đồng vào ngày 29/11/2020, cả 03 lần anh N đưa tiền cho T đều tại số nhà 237, đường LKT, phường CL,

thành phố LC. Ngày 07/12/2020, do muốn chắc chắn về việc T đã nhận tiền để “Chạy án” cho Lý Văn B, anh N đã yêu cầu T viết giấy biên nhận với các nội dung thông tin: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số hiệu sỹ quan, số thẻ đảng viên, đơn vị và nội dung T đã nhận đủ số tiền 60.000.000 đồng của anh N. Ngày 09/12/2020, anh N đã giao nộp cho Cơ quan điều tra giấy biên nhận.

Lần thứ ba: Khoảng đầu tháng 11/2020, anh Hoàng Văn Q có nhờ T xin 03 (Ba) Container hàng nhập khẩu từ Trung Quốc về hiện đang bị Chi cục hải quan cửa khẩu Quốc tế Lào Cai tạm giữ do không đầy đủ giấy tờ nhập khẩu. Sau khi trao đổi thì T đồng ý nhận xin Container hàng cho anh Q và nói giá xin là 100.000.000 đồng/01 Container, đồng thời yêu cầu anh Q đưa trước cho T 30.000.000 đồng, anh Q đã đưa cho T số tiền 30.000.000 đồng trước cửa khách sạn Lào Cai Star, phường CL, thành phố LC.

Lần thứ tư: Khoảng đầu tháng 11/2020, T nhận của anh Lê Văn H tổng số tiền 120.000.000 đồng để T xin cho Lê Văn V; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca về tội “*Cố ý gây thương tích*” được giảm án. Anh H đã đưa tiền cho T 02 lần: **Lần 1:** Anh H chuyển khoản cho T số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng VIB số “061704060081365”; **Lần 2:** Anh H và chị H trực tiếp đến và đưa cho T số tiền 60.000.000 đồng trong xe ô tô trước cửa số nhà 198, đường Điện Biên, phường CL, thành phố LC. Đến ngày 07/12/2020, do muốn chắc chắn về việc T đã nhận tiền để “Chạy án” cho Lê Văn V, anh H đã yêu cầu và được T viết giấy biên nhận với các nội dung thông tin: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, cấp bậc, chức vụ, đơn vị công tác và nội dung T đã nhận đủ số tiền 120.000.000 đồng của anh H. Ngày 08/12/2020, anh H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra giấy biên nhận.

Sau khi nhận của anh Huy, anh Q, anh N, anh N với tổng số tiền 282.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi hai triệu đồng*), T không liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân nào để lo việc “Chạy án” và xin Container hàng bị tạm giữ như đã hứa hẹn trước với các bị hại mà T đã sử dụng T bộ số tiền 282.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi hai triệu đồng*) để tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận giám định số 11/GĐTL ngày 21/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận:

- Chữ viết nội dung: Chữ ký, chữ viết họ tên mang tên Nguyễn Văn T dưới mục “*Người viết*” trên tài liệu ký hiệu A1 với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn T trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ viết nội dung: Chữ ký, chữ viết họ tên mang tên Nguyễn Văn T dưới mục “*Người nhận*” trên tài liệu ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn T trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết và ký ra.

- Chữ viết nội dung: Chữ ký, chữ viết họ tên mang tên Nguyễn Văn T dưới mục “*Người nhận tiền*” trên tài liệu ký hiệu A3 với chữ ký, chữ viết của

Nguyễn Văn T trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết và ký ra.

Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LC, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s,r,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/12/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ 585, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại anh Trịnh Văn N1 số tiền 60.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/5/2022, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LC, tỉnh Lào Cai và thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 13/2022/TB-TA ngày 28/6/2022.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa:

Về yếu tố lỗi: Hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ một phần lỗi của bị hại, các bị hại cố tình, chủ động nhờ bị cáo thực hiện hành vi chạy án, mặc dù biết hành vi này là vi phạm pháp luật nhưng các bị hại vẫn yêu cầu bị cáo thực hiện.

Về hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo: Các bị hại đều thừa nhận nhờ bị cáo thực hiện hành vi “Chạy án” tuy nhiên đang trong quá trình giải quyết thì bị cáo đã bị bắt. Hành vi chiếm đoạt của bị cáo là chưa hoàn thành, việc chiếm đoạt được hay không cũng chưa thể hiện rõ. Bản thân bị cáo cũng tìm mọi cách để “Chạy án” hoặc kiếm tiền trả lại. Dấu hiệu bắt buộc của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là người phạm tội sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản. Nếu có hành vi gian dối mà không có hành vi chiếm đoạt thì có thể truy cứu hoặc không truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi gian dối để bị hại đưa tiền, tuy nhiên các bị hại đưa tiền cho bị cáo nhưng chưa bị hại nào đòi tiền bị cáo trong quá trình “Chạy án”, các khoản tiền cũng chưa đến thời hạn trả, do đó thể hiện ý thức chiếm đoạt tài sản của bị cáo chưa rõ nét.

Về số tiền bị cáo chiếm đoạt của anh Tạ Quang N: Bị cáo thoả thuận với anh N sẽ “chạy án” cho cháu anh N với số tiền 70 triệu đồng, tuy nhiên anh N đưa thêm 2.000.000 đồng cho bị cáo T để mua quà lo việc với cấp trên. Như vậy

số tiền này không nằm trong số tiền thoả thuận để “chạy án”, việc xác định số tiền 2.000.000 đồng nằm trong số tiền bị cáo chiếm đoạt là không chính xác.

Về thái độ của bị cáo: Bị cáo T đã thực sự ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình nộp án phí sơ thẩm, đồng thời đã có tác động gia đình để trả tiền cho gia đình bị hại Trịnh Văn N1 nhưng người nhà bị hại N không nhận.

Đề nghị HĐXX áp dụng bổ sung các căn cứ: điểm d khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 50, Điều 54 Bộ luật hình sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố LC, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T xuống mức dưới 60 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 11/2020, bị cáo T đã nhiều lần thực hiện thủ đoạn gian dối nhằm lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của 04 bị hại, cụ thể: Anh Tạ Quang N 72.000.000 đồng, anh Trịnh Văn N1 60.000.000 đồng, anh Hoàng Văn Q 30.000.000 đồng, anh Lê Văn H 120.000.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt của 04 bị hại là 282.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LC, tỉnh Lào Cai xử phạt bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Về nhân thân:

Bị cáo T là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Cải tạo không giam giữ về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” (đã được xóa án tích).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tác động đến gia đình bồi hoàn thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại anh H, anh Q, anh N và được anh H xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng III năm 2011, có cụ nội, cụ ngoại được truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng. Ngoài ra bị cáo cũng tự nguyện khai báo hành vi phạm tội đối với các bị hại anh N, anh N1, anh Q trước khi tội phạm bị phát hiện. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử nhận định, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, phù hợp với các đặc điểm về nhân thân của bị cáo, do đó không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đều khai nhận thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không có chức vụ quyền hạn, bị cáo sử dụng các thủ đoạn gian dối để các bị hại giao tiền cho bị cáo, từ đó chiếm đoạt tiền của các bị hại. Sau khi chiếm đoạt tiền của các bị hại, bị cáo cũng không sử dụng số tiền này để lo công việc như các bị hại yêu cầu mà sử dụng chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bên cạnh đó, bản thân bị cáo đã tự có ý định thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của các bị hại, thông qua việc bị cáo nói dối bị cáo là Sỹ quan tình báo của Tổng cục II - Bộ Quốc phòng, có thể lo việc “chạy án” để các bị hại tin tưởng bị cáo, giao tiền cho bị cáo, không phải đến khi các bị hại nhờ bị cáo, bị cáo mới thực

hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, việc người bào chữa cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo là do lỗi của các bị hại là không có căn cứ.

Về số tiền 72.000.000 đồng của anh N đưa cho bị cáo: Bị cáo thỏa thuận với anh N số tiền để “chạy án” là 70.000.000 đồng, bị cáo cho rằng anh N đưa thêm cho bị cáo 2.000.000 đồng để bị cáo mua quà lo công việc, không phải tiền bị cáo chiếm đoạt của anh N. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo nhận đủ số tiền 72.000.000 đồng của anh N và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền đó. Bị cáo không sử dụng số tiền này để lo công việc như anh N yêu cầu thể hiện việc cố ý chiếm đoạt tài sản của anh N. Vì vậy, xác định tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của anh N là 72.000.000 đồng là có căn cứ.

Về đề nghị áp dụng Điều 50, Điều 54 Bộ luật hình sự: Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội 04 lần, bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, dựa trên tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy không có căn cứ để quyết định hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo Điều 54 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy các ý kiến của người bào chữa là không có cơ sở nên không chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố LC, tỉnh Lào Cai và thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 13/2022/TB-TA ngày 28/6/2022 về phần hình phạt đối với bị cáo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Sở Tư pháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Lào Cai;
- CQTHAHS CA TP. LC;
- CQĐT CA TP. LC;
- TAND TP. LC;
- VKSND TP. LC;
- Chi cục THADS TP. LC;
- Bị cáo; Bị hại; Người bào chữa;
- Trại giam;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Chí Thiện